

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân xã Đắk Tôr Kan)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
I	Hạ tầng số				
1	Tỷ lệ số thôn được phủ sóng băng rộng di động	99,7%	Văn hóa xã hội	Các Doanh nghiệp viễn thông; các thôn; các ngành đoàn thể	
II	Dữ liệu số				
1	Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung huyện	100%	Cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa xã	Các ngành đoàn thể, các thôn	
2	Cung cấp dữ liệu mở	100%	Các cơ quan, đơn vị; Cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa xã	Các ngành đoàn thể, các thôn	
III	Chính quyền số				
1	Thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến.	80%	Văn phòng thống kê xã	Công chức liên quan	
2	Dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	80%	Văn phòng thống kê xã	Công chức liên quan	
3	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công quốc gia	40%	Văn phòng thống kê xã	Công chức liên quan	

4	Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	60%	Tư pháp hộ tịch; kế toán taifa chính	Công chức liên quan	
5	Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	30%	Tư pháp hộ tịch; kế toán tài chính	Công chức liên quan	
6	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	Cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa xã	Các ngành đoàn thể, các thôn	
7	Hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	50%	Cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa xã	Các ngành đoàn thể, các thôn	
8	Các báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của huyện, được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của huyện và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh	70%	Văn phòng thống kê xã	Công chức liên quan	
9	Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	55%		Công chức liên quan	
10	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số	50%		Công chức liên quan	

	ơ bản.				
IV	Kinh tế số				
11	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	>5%	Kế toán tài chính	Công chức liên quan	
12	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng chuyển đổi số	>3%	Kế toán tài chính	Công chức liên quan	
13	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	> 60%	Kế toán tài chính	Công chức liên quan	
V	Xã hội số				
14	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh.	>80%	Công chức Văn hóa xã hội	Các doanh nghiệp viễn thông	
15	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có tài khoản định danh điện tử	>80%	Công an xã	Các cơ quan, đơn vị UBND các xã	
16	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	>5%	Văn phòng thống kê xã	Các doanh nghiệp viễn thông	
17	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	>75%	Ngân hàng Nhà nước	Các Ngân hàng; Các doanh nghiệp viễn thông	
18	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đáp ứng các trường thông tin cơ bản	>20 %	Công chức Văn hóa xã hội	Các ngành đoàn thể, các thôn	
VI	An toàn, an ninh mạng				
19	Số lượng Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	>100%	Công chức Văn hóa xã hội	Các ngành đoàn thể, công chức liên quan	